



TẠP CHÍ KHOA HỌC ĐẠI HỌC CỬU LONG

<https://tapchikhdhcl.edu.vn>
<https://vjol.info.vn/index.php/dhcl>

P-ISSN 3093-3196
 E-ISSN 3093-3226



NGUYỄN ĐÌNH CHIÊM VÀ HAI VỞ TUỒNG NÔM PHONG BA ĐÌNH, PHẤN TRANG LẦU

NGUYEN DINH CHIEM AND TWO NOM DRAMATIC WORKS:
 PHONG BA DINH (風波亭) AND PHAN TRANG LAU (粉粧樓)

Đoàn Lê Giang^{1*}, Lương Trung Phương²

¹Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

²Nhà nghiên cứu tự do

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.44.1251>

*Email: giangdoanle@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 22/01/2026

Ngày phản biện: 16/03/2026

Ngày duyệt bài: 28/08/2026

TÓM TẮT

Nguyễn Đình Chiêm là con trai thứ bảy trong sáu người con của thi hào Nguyễn Đình Chiểu. Ông tiếp nối truyền thống gia đình với nghề dạy học và bốc thuốc, đồng thời tham gia sáng tác văn chương, đặc biệt là soạn tuồng hát bội. Sách vở xuất bản trước năm 1945 đã từng ghi ông có sáng tác hai vở tuồng nổi tiếng là Phong Ba đình 風波亭 và Phấn Trang lầu 粉粧樓, tuy nhiên từ lâu hai tác phẩm này đã bị coi là thất truyền. May mắn trong quá trình tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu cũng như về tuồng hát bội Nam Kỳ, chúng tôi đã tìm được hai vở tuồng này: một là bản in quốc ngữ vở Phong Ba đình xuất bản năm 1929, hiện lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Pháp; hai là bản Nôm chép tay vở tuồng Phấn Trang lầu. Việc tìm thấy các văn bản này không chỉ xác nhận những ghi chép trước đây về tác giả Nguyễn Đình Chiêm mà còn bổ sung thêm tư liệu cho việc nghiên cứu sự nghiệp văn học của Nguyễn Đình Chiêm, cũng như văn học Nôm và sân khấu truyền thống ở Nam Bộ. Bài viết giới thiệu văn bản, nội dung và bước đầu phân tích giá trị của hai vở tuồng.

Từ khóa: Nguyễn Đình Chiêm 阮廷瞻, tuồng Nôm, Phong Ba đình 風波亭, Phấn Trang lầu 粉粧樓, Nê mã độ Khương Vương 泥馬渡康王, Võ Tòng 武松.

ABSTRACT

Nguyễn Đình Chiêm, one of the sons of the renowned poet Nguyễn Đình Chiểu, followed the family tradition of teaching and practicing traditional medicine, while also composing Vietnamese dramatic works (tuồng hát bội). Pre-1945 publications record that he authored two well-known Nôm plays, Phong Ba Đình 風波亭 and Phấn Trang Lầu 粉粧樓, which were long considered lost. During our research on Nguyễn Đình Chiểu and Southern Vietnamese dramatic traditions, we have located two extant textual witnesses of these works: a quốc ngữ (romanized Vietnamese) printed edition of Phong Ba Đình published in 1929 and currently preserved at the Bibliothèque nationale de France, and a Nôm manuscript of Phấn Trang Lầu. These materials not only confirm earlier bibliographical records but also constitute important new sources for the study of Nguyễn Đình Chiêm's literary career, as well as Nôm literature and traditional theatre in Southern Vietnam. This article introduces these textual sources, provides a summary of the two works, and offers a preliminary assessment of their literary and historical significance.

Key words: Nguyễn Đình Chiêm (阮廷瞻); Nôm dramatic works (tuồng); Phong Ba Đình (風波亭); Phấn Trang Lầu (粉粧樓); Nê Mã Độ Khương Vương (泥馬渡康王); Võ Tòng (武松)

GIỚI THIỆU

Các tài liệu viết về Nguyễn Đình Chiểu thường nhắc đến hai người con nổi tiếng của ông là nữ sĩ Sương Nguyệt Anh và soạn giả tuồng Nguyễn Đình Chiêm. Nguyễn Đình Chiêm làm nghề thuốc, dạy học, bên cạnh đó ông có soạn tuồng hát bội. Trong

các công trình về tuồng Việt Nam cũng như tuồng Nam bộ nói riêng, các nhà nghiên cứu thường nhắc: Nguyễn Đình Chiêm là tác giả của mấy vở tuồng, trong đó nổi tiếng nhất là *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lầu*. Các tài liệu chỉ nhắc thôi chứ không có công trình nào phân tích cụ thể, vì từ lâu người

ta coi hai vở tuồng này đã bị thất lạc. Vậy hiện nay các vở tuồng ấy còn không? Có khả năng tìm được không? May mắn là trong quá trình tìm hiểu về Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Đình Chiêm và tuồng hát bội Nam kỳ, chúng tôi đã tìm được hai vở tuồng quan trọng nhất của ông, đó là: *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lầu*. Trong bài viết này chúng tôi giới thiệu văn bản, nội dung và bước đầu giới thiệu giá trị của hai tác phẩm

Tiểu sử Nguyễn Đình Chiêm



Chân dung soạn giả Nguyễn Đình Chiêm
(Nguồn: gia đình cung cấp)

Theo *Nguyễn chi thế phả*阮枝世譜 (gia phả chi họ Nguyễn ở Bến Tre) do chính cụ Nguyễn Đình Huy 阮廷輝 chỉnh sửa và con trai trưởng (dòng thứ) là Nguyễn Đình Chiểu 阮廷炤 đồng biên soạn thì Nguyễn Đình Chiểu và vợ là Lê Thị Điền 黎氏田 có 6 người con (không kể một người mất từ hồi nhỏ):

Con gái đầu lòng (thứ hai - gọi theo kiểu Nam bộ): Nguyễn Thị Hương 阮氏香 sinh năm Ất Mão (1855), mất năm Đinh Tị (1917).

Con trai thứ ba: Nguyễn Đình Chúc 阮廷燭 (thường gọi là Thầy Ba Sáng), sinh năm Mậu Ngọ (1858), mất năm Quý Mão (1904).

Con gái thứ tư: Nguyễn Thị Xuyên 阮氏釧, sinh năm Tân Dậu (1861) mất ngày 14 tháng 12 năm Canh Thân (1921).

Con gái thứ năm: “Nguyễn Thị Khuê 阮氏珪, sinh ngày 24 tháng 12 năm Quý Hợi (tức 01-02-1864 Dương lịch). Lấy chồng họ Nguyễn người

xứ Thạch Hồ, tỉnh Mỹ Tho. Mất ngày 12 tháng 12, năm Canh Thân (tức 20-01-1921), chôn ở thôn Mỹ Nhơn, tổng Bảo Thuận, mất năm 58 tuổi.”

Con trai thứ sáu: mất hồi nhỏ (Gia phả không ghi người con này, nhưng gia đình kể lại).

Con trai thứ bảy: “Nguyễn Đình Chiêm 阮廷瞻, sinh ngày 17 tháng 12 năm Mậu Thìn (29-01-1869). Cưới vợ là con gái họ Tào thôn An Bình Đông, tỉnh Vĩnh Long. Mất ngày 4 tháng 7 năm Ất Hợi (02-08-1935), chôn tại thôn Mỹ Nhơn.”

Con trai thứ tám: Nguyễn Đình Ngưỡng 阮廷仰, sinh năm Nhâm Thân (1872), mất năm Nhâm Dần (1902).

Các con của Nguyễn Đình Chiểu như Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Đình Chúc, Nguyễn Thị Xuyên đều làm thuốc và dạy học nhưng không nổi tiếng. Nổi tiếng chỉ có Nguyễn Thị Khuê (hiệu là Sương Nguyệt Anh 嬌月英) và Nguyễn Đình Chiêm, cả hai vừa làm thuốc vừa dạy học. Sương Nguyệt Anh từng làm chủ bút tờ báo *Nữ giới chung* (Tiếng chuông nữ giới), tờ báo phụ nữ đầu tiên của Việt Nam, trụ sở tại Sài Gòn năm 1918. Nguyễn Đình Chiêm thi sáng tác văn học.

Về Nguyễn Đình Chiêm, năm 1944, nhà văn, nhà nghiên cứu Phan Văn Hùm có viết trong mục “Tiểu sử Đồ Chiểu” ở phần đầu sách *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* 漁樵問答醫術 như sau:

“Đồ Chiểu sinh bảy người con: Thị Hương 氏香, Đình Chúc 廷燭, Thị Xuyên 氏釧, Thị Khuê 氏娃, Đình Chiêm 廷瞻, Đình Ngưỡng 廷仰 và một người chết nhỏ trước Đình Chiêm. (...) Ông Nguyễn Đình Chiêm, tự Trọng Vĩnh 仲永, cũng hay chữ, hay thơ, có đặt những tuồng hát bộ có tiếng là *Nê mã độ Khương Vương*, *Phấn Trang lầu* và *Nam Tống tinh trung*. Tuồng sau này có ông **Chánh Vệ Nhị ở Bến Tre trộm xuất bản ra quốc ngữ**, cải nhan là “Tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba đình” (Nguyễn Đình Chiểu, 1952, tr.XXXI).

Phan Văn Hùm là chồng bà Mai Huỳnh Hoa, mà Mai Huỳnh Hoa là cháu ngoại bà Sương Nguyệt Anh, bà Nguyệt Anh là chị gái của Nguyễn Đình Chiêm. Như vậy bà Mai Huỳnh Hoa (vợ ông Phan Văn Hùm) gọi cụ Nguyễn Đình Chiêm là ông-vai em bà ngoại mình. Phan Văn Hùm, nhà văn, nhà nghiên cứu đã gặp Nguyễn Đình Chiêm nhiều lần để biên soạn những công trình của Nguyễn Đình

Chiều (Nỗi lòng Đồ Chiểu, Dương Từ Hà Mậu, Ngự Tiều vấn đáp y thuật) nên những thông tin của ông về Nguyễn Đình Chiêm có thể nói là chính xác.

Một số sách, từ điển sau đó cũng nhắc đến Nguyễn Đình Chiêm nhưng không có nhiều thông tin mới hơn. Trịnh Văn Thanh, tác giả *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển* (2 tập, Sài Gòn: Hồn Thiêng xuất bản, tập 1, 1966, tập 2, 1967), trong mục Nguyễn Đình Chiểu có nhắc đến Nguyễn Đình Chiêm và hai vợ chồng *Phấn Trang lầu* và *Nam Tống tinh trung* (tức *Phong Ba đình*) của ông (Trịnh Văn Thanh, 1967). Ca Văn Thỉnh trong *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* xuất bản năm 1980 cũng cho biết tương tự, có thêm “tục kêu Thầy Bảy Chiêm” và hiệu Sơn Đầu Ca Văn Thỉnh, 1980). Nguyễn Q. Thắng trong *Từ điển tác gia Việt Nam* xuất bản 1999, mục từ Nguyễn Đình Chiêm cũng không có thông tin gì thêm, thậm chí còn sai một chút về năm sinh, khi ông viết: “Nguyễn Đình Chiêm (Kỉ Tị 1869-Ất Hợi 1935)”.

Gần đây, trong luận án tiến sĩ với đề tài *Nghiên cứu kịch bản tuồng Nam bộ trước 1945*, Nguyễn Thị Huyền Trang cho biết thêm Nguyễn Đình Chiêm còn có vợ tuồng *Võ Tòng*, ngoài ba vợ tuồng mà Phan Văn Hùm đã kể ở trên: “ông còn là tác giả vở tuồng hát bội có giá trị văn chương như: *Phong Ba đình*, *Phấn Trang lầu*, *Võ Tòng*” (Nguyễn Thị Huyền Trang, 2023).

Chúng tôi cũng đã đến quê hương của Nguyễn Đình Chiêm ở ấp 1 xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, gặp hậu duệ của ông để tìm hiểu thêm. Cụ Nguyễn Đình Chiêm hiện còn hai người cháu ngoại gái là bà Lê Thị Bông và bà Lê Thị Cúc (em con dì của bà Bông).

Bà Lê Thị Bông, sinh năm 1930, năm nay hơn 90 tuổi, bà chỉ nhớ lơ mơ về ông ngoại do cụ mất khi bà mới lên 5 tuổi. Những điều bà biết về ông ngoại chủ yếu là do mẹ kể lại. Bà Bông cho biết: Ông bà ngoại của bà sinh được 6 người con, 3 trai và 3 gái, nhưng chỉ nuôi được 3 người con gái. Các con trai đều mất khi còn nhỏ, chỉ có một người sống được đến năm 13 tuổi rồi cũng bệnh mất. Nhìn chung, hoàn cảnh gia đình riêng của Nguyễn Đình Chiêm không được may mắn. Theo quan niệm xưa thì ông không có người nối dõi vì cả 3 con trai đều chết. Theo bà Lê Thị Bông, đến cuối đời, ông ngoại bà vẫn hay luyến tiếc và than thở về việc này.

Bà Lê Thị Cúc, sinh năm 1934, mẹ bà là Nguyễn Thị Mỹ, em ruột của mẹ bà Lê Thị Bông. Trước đây, bà Cúc thường được nghe mẹ kể rất nhiều về ông ngoại, tuy nhiên, hơn 2 năm nay bà Cúc bị tai biến nằm một chỗ và đầu óc không còn minh mẫn, khi nhớ khi quên. Bà Cúc cho biết mẹ bà là người thờ cúng và cất giữ các tác phẩm của ông ngoại. Tuy nhiên, ngày trước vùng này chiến tranh liên miên, gia đình thường phải di tản, có lần bị cháy nhà nên việc bảo quản các văn bản gặp khó khăn. Bà Cúc chỉ nhớ là từ khi bà còn nhỏ, mẹ bà đã đem các tác phẩm của ông ngoại, kể cả tuồng *Phấn Trang lầu*, trao cho cơ quan nhà nước chứ không lưu giữ tại nhà nữa. Điều đáng tiếc là cháu chất của Nguyễn Đình Chiêm không có ai tiếp nối sự nghiệp văn chương và không còn biết về các tác phẩm của ông. May mắn đợt đi thực địa này chúng tôi có được ảnh chân dung của ông Nguyễn Đình Chiêm (ở trên).

Như vậy về tiểu sử Nguyễn Đình Chiêm hiện chúng tôi không có được bao nhiêu. Có thể tổng hợp như sau:

Nguyễn Đình Chiêm 阮廷瞻 sinh ngày 17 tháng 12 năm Mậu Thìn (29-01-1869), tự Trọng Vĩnh 仲永, hiệu Sơn Đầu 山斗, con thứ bảy của cụ Nguyễn Đình Chiểu 阮廷炤, nên tục gọi là Thầy Bảy Chiêm, là em nữ sĩ Sương Nguyệt Anh 孀月英. Ông quê ở làng Mỹ Chánh (nay là xã Mỹ Chánh), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Ông kết hôn với bà Tào Thị Quyền 曹氏權 (?-1935) người thôn An Bình Đông, quận Ba Tri (nay là thị trấn Ba Tri, Bến Tre). Từ nhỏ ông được cha dạy cho chữ Hán. Chức dịch trong xã muốn xin cụ Đồ Chiểu cho ông học chữ Tây nhưng cụ Đồ từ chối. Nổi nghiệp cha, ông theo nghề dạy học, làm thuốc Đông y. Ông yêu thích tuồng, lúc nhàn rồi ông có sáng tác mấy vở tuồng như: *Phong Ba đình* 風波亭, *Phấn Trang lầu* 粉粧樓, *Nê mã độ Khương Vương* 泥馬渡康王, *Võ Tòng* 武松, văn chương tao nhã. Nguyễn Đình Chiêm giữ thế phả của gia tộc và đã sưu tập, gìn giữ các tác phẩm của thân phụ mình, góp phần tích cực vào công việc xây dựng tiểu sử và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu. Ông mất ngày 4 tháng 7 năm Ất Hợi (tức 02-08-1935), thọ 66 tuổi, an táng tại làng Mỹ Nhơn (nay là xã Mỹ Nhơn), huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ông Nguyễn Đình Chiêm và bà Tào Thị Quyền sinh được 6 người con: 3 trai, 3 gái, 3 con trai chết từ nhỏ, chỉ còn 3 con gái là:

Nguyễn Thị Long 阮氏龍 (1904 - 1973), lấy chồng là Âu Dương Lang. Bà có hiệu là Thoại Long 瑞龍. Bà là người tiếp tục gìn giữ thế phả dòng họ và tác phẩm của ông nội là Nguyễn Đình Chiểu và truyền cho đến con cháu.

Nguyễn Thị Loan 阮氏鸞 (1907-1977), chính tên là Phụng 鳳, hiệu là Kim Phụng 金鳳. Bà Thoại Long và bà Kim Phụng cũng từng góp mặt trên văn đàn Sài Gòn và Bến Tre.

Nguyễn Thị Mỹ (1910 - 1966), lấy chồng nhà họ Lê, ở thôn Hữu Định, tổng Bảo Khánh (nay là xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre).

Như vậy sáng tác của Nguyễn Đình Chiêm nổi tiếng nhất là hai vở:

- *Phong Ba đình* 風波亭, cũng có tên *Tổng Nhạc Phi* 宋岳飛 hoặc *Nam Tống tinh trung* 南宋精忠
- *Phấn Trang lầu* 粉粧樓, cũng có tên là *Đường triều Phấn Trang lầu* 唐朝粉粧樓.

Thời điểm sáng tác khoảng 1915.

Bên cạnh đó hai vở ít nổi tiếng hơn:

- *Nê mã độ Khương Vương* 泥馬渡康王
- *Võ Tòng* 武松.

Thời điểm sáng tác chưa xác định, chắc là sau 1900.

Hiện nay trong 4 vở tuồng này đã tìm được hai vở tuồng quan trọng nhất của ông, đó là: *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lầu* như đã nói ở trên.

1. Văn bản hai vở tuồng *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lầu* của Nguyễn Đình Chiêm

Văn bản vở tuồng *Phong Ba đình*

Vở tuồng *Phong Ba đình* cùng với các tên gọi khác là *Tổng Nhạc Phi*, *Nam Tống tinh trung* của Nguyễn Đình Chiêm được nhắc tới từ lâu - từ năm 1944 trong công trình biên soạn *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* của Phan Văn Hùm - như đã nói ở phần trên. Phan Văn Hùm cũng thông báo việc nó đã được phiên âm ra quốc ngữ và bị ông Chánh Vệ Nhị ở Bến Tre “trộm xuất bản”. Thế nhưng từ đó đến nay không ai nói gì thêm về văn bản đó ngoài cái tên ra.

Cho đến khi Thư viện Quốc gia Pháp cho scan

hàng triệu bản sách và cho phép truy cập tự do trên trang Gallica chúng tôi mới tình cờ tìm thấy vở tuồng ấy. Ngoài bìa sách ghi rõ:

Tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba đình. 從岳飛

Chủ bút: Chánh Vệ Nhị; Chủ bản: Phạm Văn Thịnh

Bản này M.Đình Thái Sơn đã bán đứt cho tôi.

Ba thứ chung một cuốn.

In lần thứ năm. In tại Nhà in Xưa Nay, 60-64 Boulevard Bonard, Saigon.

Sách dày 26 trang nội dung, không kể quảng cáo. Sách không đề năm in.

(Nguồn: <https://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k4241636c?rk=21459;2>)

Từ văn bản trên Gallica, chúng tôi mới tìm thì thấy, trong Thư viện Quốc gia Việt Nam cũng có. Thư mục ghi rõ: *Tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba đình*, Chánh Vệ Nhị, Nhà in Xưa Nay, in lần thứ năm, 1929, 30 trang, nhưng vì đề Chánh Vệ Nhị, không biết là ai, nên mọi người bỏ qua.



Những thông tin trên hoàn toàn trùng khớp với mô tả của Phan Văn Hùm năm 1944 đã nói trên (“ông Chánh Vệ Nhị ở Bến Tre trộm xuất bản ra quốc ngữ, cải nhan là “Tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba đình”. Điều ấy cho phép chúng tôi khẳng định *Tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba đình*,

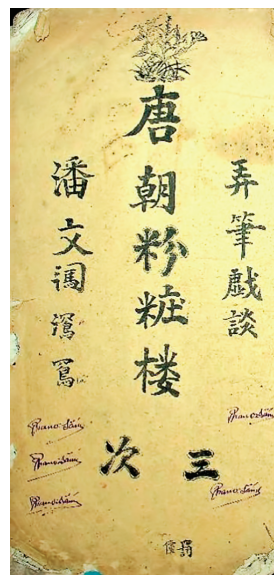
Chánh Vệ Nhị chủ bút, Nhà in Xưa Nay xuất bản 1929 chính là tuồng Nôm *Nam Tống tinh trung* của Nguyễn Đình Chiêm. Ngoài bìa đề Chánh Vệ Nhị chủ bút, thực chất là Chánh Vệ Nhị có công phiên âm ra chữ quốc ngữ rồi “trộm xuất bản” mà không xin phép tác giả. Văn bản này in đã lâu, từ ngữ phiên âm không kỹ nên sai sót khá nhiều. Sách lại không được chú thích theo đúng tiêu chuẩn khoa học hiện nay, nên chúng tôi đã dựa trên văn bản này (Nhà in Xưa Nay, in lần thứ năm, 1929) để hiệu chỉnh và chú thích. Vở tuồng này có nhiều tên: *Tuồng Tống Nhạc Phi*, *Phong Ba đình*, *Nam Tống tinh trung*, nhưng nổi tiếng nhất là *Phong Ba đình*, chúng tôi sử dụng cách gọi này.

Văn bản vở tuồng *Phấn Trang lâu*

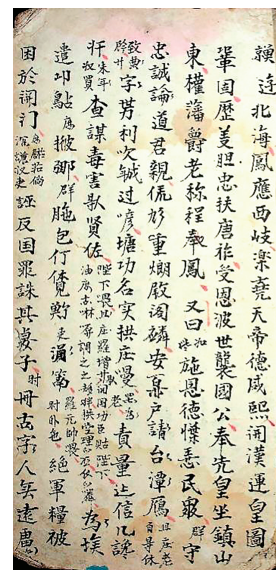
Tuồng Nôm *Phấn Trang lâu* của Nguyễn Đình Chiêm lâu nay tưởng chừng đã bị thất lạc. Năm 2022, nhân sự kiện kỷ niệm 200 năm ngày sinh danh nhân văn hóa Nguyễn Đình Chiểu, nhiều tài liệu về cụ và gia đình được công bố và lưu truyền trên mạng. Chúng tôi tình cờ, may mắn có được một bản chụp văn bản chữ Nôm tuồng *Phấn Trang lâu* do một người quen gửi tặng. Sau khi đối chiếu với văn bản gốc tuồng *Phấn Trang lâu* được Bảo tàng tỉnh Bến Tre trưng bày nhân kỷ niệm 200 năm ngày sinh Nguyễn Đình Chiểu, chúng tôi thấy hai văn bản này là một, văn bản chúng tôi có là bản scan pdf rõ nét từ bản gốc, nên chúng tôi sử dụng bản này để phiên âm, chú giải và phân tích giá trị tác phẩm, với mong muốn phát huy tác phẩm của một soạn giả tuồng cổ nổi tiếng của vùng đất Nam bộ, đồng thời là con trai của nhà thơ lớn Nguyễn Đình Chiểu.

Toàn bộ bản chụp này có 41 ảnh, mỗi ảnh là hai trang, tức là tổng cộng có 82 trang. Mỗi trang khổ 14,5cm x 30cm, chia thành 8 cột dọc. Trên trang bìa 1 ghi: "弄筆戲談。唐朝粉粧樓，潘文闖寫。三次/ Lộng bút hí đàm. Đường Triều *Phấn Trang lâu*, Phan Văn Sấm tả. Tam thứ" (Dịch: Múa bút cho vui. Vở tuồng Đường triều *Phấn Trang lâu*. Phan Văn Sấm chép lại. Ba hồi). Dòng cuối cùng trang cuối (trang 82) ghi bằng chữ Hán: "潘文闖/ Phan Văn Sấm, 西曆一九三七, 丁丑年, 十一月, 十五日/ Tây lịch nhất cử tam thất, Đinh Sửu niên, thập nhất nguyệt, thập ngũ nhật." (Dịch: Phan Văn Sấm, năm 1937 Tây lịch, tháng mười một, ngày mười lăm). Cũng trên trang này có ghi

hàng chữ quốc ngữ bằng mực tím, không rõ do ai viết: "Dịch lại: *Phấn Trang lâu*, tam thứ chung. Do ông Phan Văn Sấm dịch lại của cụ Đồ vào năm 1937, ngày rằm tháng 11, năm Đinh Sửu". Như vậy, văn bản này được chép sau khi Nguyễn Đình Chiêm mất 2 năm. "Cụ Đồ" ở đây là cụ Nguyễn Đình Chiêm, vì cụ nổi nghiệp cha mình nghề dạy chữ Nho và làm thuốc.



Trang bìa và trang 1



Phấn Trang lâu

Từ đầu đến cuối văn bản-trừ hàng chữ quốc ngữ bằng mực tím đã nói trên-có cùng một nét chữ Nôm, cho thấy chỉ có một người chép duy nhất. Văn bản được viết bằng bút lông, mực đen, giấy bị ố vàng, có vài trang bị rách hoặc cháy sém góc và có 2 đoạn bị mất. Chẳng hạn các trang 30, 48, 68, 76... bị rách một phần ở bên dưới khiến cho bị mất đi vài chữ. Ở trang 33 nối tiếp sang trang 34 bị mất một đoạn. Ở trang 37 nối tiếp sang trang 38 cũng mất một đoạn. Ảnh chụp hai trang 39-40 có nội dung trùng với hai trang 41-42. Dựa vào nội dung để phỏng đoán thì những đoạn bị mất này chỉ là đoạn ngắn. Về cơ bản thì tuy có mất chút ít nhưng nội dung vẫn tương đối đầy đủ để nghiên cứu, nếu cần vẫn có thể dùng để phục dựng lại vở tuồng.

Người chép lại văn bản Nôm là ông Phan Văn Sấm. Ông là ai? Văn bản ông chép dựa vào nguồn nào? Các cháu ngoại của cụ Nguyễn Đình Chiêm là bà Lê Thị Bông và bà Lê Thị Cúc đều không nhớ ông Phan Văn Sấm là ai. Bà Cúc cho biết: học trò của cụ Chiêm có ghi chép và lưu giữ sáng tác của thầy mình và cụ Đồ Chiểu rất cẩn thận. Chúng tôi

phỏng đoán ông Phan Văn Sấm có thể là học trò của cụ Nguyễn Đình Chiêm.

Ông Phan Văn Sấm có thể đã ghi chép theo một văn bản nào đó, đồng thời cũng theo lời thoại của diễn viên trên sân khấu, chứ không hẳn là dựa theo văn bản gốc của tác giả. Vì trong bản tuồng có 2 câu không phù hợp với nội dung viết về thời nhà Đường. Ở trang 14, nhân vật Trương Ngổ nói với Trình Phụng: “có một cây gương, ngoài vỏ có khắc chữ chi chi in chữ An Nam” (đời Đường làm gì đã có chữ An Nam?). Ở trang 51, nhân vật lính Tông lại có câu: “thiệt là nó chạy quá xe hơi”. Những câu này chắc do diễn viên ngẫu hứng “cương” trên sân khấu, chứ khó mà do Nguyễn Đình Chiêm viết trong kịch bản gốc.

Trong văn bản này, ông Phan Văn Sấm ghi tên của vở tuồng là “*Đường triều Phấn Trang lâu*” (lâu đọc theo âm Nôm hoặc lâu đọc theo âm Hán Việt). Tuy nhiên, những văn bản từ trước đến nay nói đến Nguyễn Đình Chiêm và tác phẩm đều ghi tên vở tuồng là *Phấn Trang lâu*, không có hai chữ *Đường triều*, vì vậy, chúng tôi cũng sẽ sử dụng tên gọi vở tuồng này là *Phấn Trang lâu*.

2. Nội dung tác phẩm Phong Ba đình và Phấn Trang lâu

Nội dung vở tuồng Phong Ba đình

Phong Ba đình là vở tuồng được chuyển thể từ *Thuyết Nhạc toàn truyện* 說岳全傳, một cuốn tiểu thuyết chương hồi nổi tiếng Trung Quốc. Cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, ở Nam bộ có nổi lên rầm rộ phong trào dịch thuật, xuất bản tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc (dân gian gọi là “truyện Tàu”). Truyện Tàu trở thành nguồn cảm hứng sáng tác cho nhiều loại hình văn học nghệ thuật, trong đó có hát bội-ngày nay gọi là tuồng cổ. Nhiều dịch giả nổi tiếng xuất hiện như: Nguyễn Chánh Sắt, Trần Phong Sắc, Nguyễn An Cư, Huyền Mặc Đạo Nhân, Nguyễn An Khương... *Thuyết Nhạc toàn truyện* được dịch sang tiếng Việt dưới nhan đề *Truyện Nhạc Phi* 傳岳飛 hoặc *Nhạc Phi diễn nghĩa* 岳飛演義. Có nhiều bản dịch về truyện Nhạc Phi: Đầu tiên là bản *Truyện Nhạc Phi* do Nguyễn Chánh Sắt dịch và Nhà in Xưa Nay xuất bản lần đầu ở Sài Gòn năm 1905, sách được nhiều độc giả yêu thích và tái bản nhiều lần. Sau đó là *Nhạc Phi diễn nghĩa*, Phòng Diễn văn Nhà in Xưa Nay phụng dịch, 27 cuốn, Nhà in Xưa Nay, Sài Gòn, 1928-1929. Ở miền Bắc có: *Tổng Nhạc Phi*

(bên trong đề *Tổng Nhạc Phi diễn nghĩa*, cáo bạch nói là bộ *Thuyết Nhạc*), Nguyễn Tử Lăng dịch, Hải Phòng: Nhà in Dac-Loi xuất bản, 1928; *Tổng Nhạc Phi*, 10 cuốn, Quảng Nguyên dịch, H.: Impr. Phú Văn Đường, 1934; *Phong Ba đình*, vở thuật tiểu thuyết, Thạch Tâm và Bằng Phi thuật, Cộng Tác văn đoàn, Hà Nội, 1938...

Đây là bộ tiểu thuyết nói về cuộc chiến tranh giữa nhà Tống của Trung Quốc và nước Kim xảy ra vào thế kỷ XIII. Nhân vật chính là danh tướng Nhạc Phi, một nhà quân sự lỗi lạc và là anh hùng dân tộc của Trung Quốc. Nhạc Phi sống trong thời kỳ nhà Tống suy vi, bị quân Kim xâm lược, chiếm đóng nhiều vùng lãnh thổ ở phía Bắc. Quân Kim đánh vào kinh đô Biện Kinh, bắt vua Tống Huy Tông và và Thượng hoàng Tống Khâm Tông. Triều đình nhà Tống phải chạy xuống phía Nam. Khang vương Triệu Cấu được triều thần lập lên làm vua, tức Tống Cao Tông. Tống Cao Tông là ông vua u mê, nghe theo bọn gian thần, đặc biệt là Thừa tướng Tần Cối. Nhạc Phi cầm quân đánh giặc trên trăm trận, đạt được nhiều thắng lợi. Tần Cối ghen ghét Nhạc Phi, lại nhận hối lộ của địch, nên vu cho ông có mưu đồ phản nghịch. Trong khi Nhạc Phi đang chiến thắng trên chiến trường thì bị triều đình triệu về, vu tội mưu phản, sau đó bị xử tử cùng với con trai là Nhạc Vân và thuộc tướng là Trương Hiến. Nhiều tướng lĩnh dưới quyền của Nhạc Phi bị hãm hại, vợ con Nhạc Phi cũng bị lưu đày. Mãi đến 20 năm sau ông mới được Tống Hiếu Tông minh oan.

Truyện Nhạc Phi hay *Nhạc Phi diễn nghĩa* có nhiều chi tiết hư cấu và huyền thoại hóa. Riêng đoạn cuối nói về các tướng lĩnh cũ và con của Nhạc Phi cầm quân đánh bại quân Kim, giết chết tướng Kim là Ngột Truật hoàn toàn do hư cấu mà ra. Tuy vậy, đây vẫn là một tiểu thuyết có ý nghĩa tích cực, ca ngợi tài năng và tinh thần ái quốc của một vị tướng tài, đồng thời lên án vua nhà Tống u mê cùng bọn gian thần xu nịnh hãm hại người trung lương.

Tuồng *Phong Ba đình* của Nguyễn Đình Chiêm chuyển thể một đoạn ngắn trong *Truyện Nhạc Phi*, chủ yếu xoay quanh việc Nhạc Phi bị hãm hại, bị giam trong ngục và xử tử. Tuồng chia làm 3 hồi (văn bản ghi là thứ nhất, thứ hai và thứ ba).

Hồi 1 bắt đầu từ chỗ Trương Bảo-một trong các tướng của Nhạc Phi đang làm Tổng binh ở thành Hào Lương-nghe tin Nhạc Phi bị chiêu chỉ triệu về

triều. Trương Bảo không yên tâm, đến Thang Âm gặp Nhạc phu nhân và sau đó vào kinh thám thính tin tức. Trên đường đi, Trương Bảo gặp một tay giang hồ hảo hán là Tùng Thiện, được Tùng Thiện cho biết Nhạc Phi đã bị bắt giam. Trương Bảo đến ngục Đại Lý tìm Nhạc Phi. Trong khi đó, hai tên tay sai của Tần Cối là Vạn Hầu Hoa và La Vô cùng bần bạc làm giả bản cung khai, vu Nhạc Phi tội phản nghịch để dâng lên Tần Cối. Trương Bảo vào ngục thăm Nhạc Phi, định tìm cách giải cứu chủ tướng nhưng bị Nhạc Phi từ chối. Trương Bảo tuyệt vọng đâm đầu vào tường tự tử.

Hồi 2, Tần Cối và vợ là Vương thị bàn kế hại Nhạc Phi. Vương thị xui chồng giả thánh chỉ xử tử Nhạc Phi để trừ tận gốc rễ. Nhạc Phi, Nhạc Vân, Trương Hiến đang ở trong ngục thì được ngục quan là Nghê Huồn báo tin triều đình có lệnh xử tử. Nhạc Vân, Trương Hiến toan phá ngục nổi loạn nhưng bị Nhạc Phi cản lại, khuyên chấp nhận cái chết để tỏ lòng trung quân. Cả ba bị đưa tới Phong Ba đình chịu án. Nghê Huồn đem thi hài 3 người đến Thê Hà để mai táng. Châu Tam Húy, một tướng cũ của Nhạc Phi đã từ chức lui về ẩn tu, nghe tin Nhạc Phi bị giết liền đi Thang Âm báo cho Nhạc phu nhân và các con ông bà là Nhạc Lôi, Nhạc Đình, Nhạc Lâm, Nhạc Chấn hay tin. Nhạc phu nhân sai con trai lớn nhất trong các anh em là Nhạc Lôi bỏ trốn sang Nam Ninh lánh nạn ở nhà Lưu thú Tông Phương.

Hồi 3, các tướng cũ của Nhạc Phi, đứng đầu là Ngưu Cao, đang đóng binh nơi biên ải thì được Nghê Huồn báo tin Nhạc Phi bị xử. Nghê Huồn cũng đưa thư của Nhạc Phi trắng trối với các tướng là không được động binh phản lại triều đình. Ngưu Cao và các tướng không nghe theo, kéo binh thuyền về triều đình trừng trị hôn quân và Tần Cối. Đang trên đường đi thì hồn Nhạc Phi xuất hiện, khuyên các tướng lui binh. Các tướng không chịu, hồn Nhạc Phi liền cho nổi phong ba chìm 3 chiến thuyền và mất 1 vạn quân. Hai tướng Dư Hóa Long và Hà Nguyên Khánh thấy hồn Nhạc Phi cương quyết không cho báo thù bèn tự tử. Ngưu Cao đến sau hay tin cũng đâm đầu xuống sông tự tử. Các quân tướng còn lại bèn kéo về núi Thái Hành trú ẩn để đợi thời cơ. Ngưu Cao sau đó được thầy mình là Bảo Phương lão tổ cứu cho sống lại. Lão tổ khuyên Ngưu Cao lui về núi Thái Hành cùng các huynh đệ, chiêu binh mãi mã chờ thời cơ giúp nước. Võ tướng kết thúc ở cảnh Nhạc phu nhân

sai Nhạc Đình đi tìm anh là Nhạc Lôi. Nhạc Đình bịn rịn từ biệt mẹ và lên đường.

Phong Ba đình kết thúc khá đột ngột trong không khí buồn thảm. Nó không phải là một vở tuồng kết thúc có hậu. Cuối cùng thì phe chính nghĩa không hề chiến thắng phe gian tà và số phận của nhiều nhân vật thuộc cả hai phe vẫn còn đang bỏ ngõ.

Nội dung vở tuồng *Phấn Trang lâu*

Nội dung vở tuồng *Phấn Trang lâu* lấy từ tiểu thuyết chương hồi *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* 粉粧樓演義, tác giả khuyết danh. Người dịch *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* sang tiếng Việt đầu tiên là Nguyễn An Khương-thân phụ của nhà cách mạng Nguyễn An Ninh-một dịch giả truyện Tàu nổi tiếng. Theo Địa chí Văn hóa TP.HCM-tập 2, phần *Thư mục văn học Sài Gòn và Nam bộ từ 1886 đến 1930*-thì *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* được Nguyễn An Khương dịch và cho xuất bản lần đầu tiên năm 1906, lần thứ 2 năm 1918 và lần thứ 3 năm 1928.

Tiểu thuyết *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* có 80 hồi. Nội dung tóm tắt như sau: Vào đời Đường, La Tăng là hậu duệ của khai quốc công thần La Thành, làm Nguyên soái cầm quân đánh Phiên binh, bị Phiên binh vây hãm. Gian thần là Tể tướng Thảm Khiêm vu oan La Tăng đầu Phiên, triều đình ra lệnh tru lục toàn gia. La phu nhân và 2 con trai là La Côn, La Xán trốn thoát. Các gia đình họ Trình, họ Bách có mối quan hệ thân thiết với họ La cũng bị ảnh hưởng. La phu nhân sai La Xán và La Côn đi mượn binh cứu cha. Trên đường đi, cả hai trải qua nhiều gian nan, thử thách. Các con La Tăng về sau liên kết với các anh hùng nghĩa sĩ trên Kê Trảo sơn, hưng binh cứu La Tăng, giết Thảm Khiêm, chấn hưng nhà Đường.

Tuồng *Phấn Trang lâu* có 3 hồi và chỉ thể hiện một phần nội dung của tiểu thuyết *Phấn Trang lâu diễn nghĩa*.

Hồi 1 nói về La Tăng làm Nguyên soái đánh giặc ngoài biên ải, bị Phiên binh vây hãm. Tể tướng Thảm Khiêm vu oan La Tăng hàng giặc, triều đình kết tội tru lục cả nhà. La phu nhân và hai con là La Xán, La Côn được những người nghĩa hiệp giúp đỡ trốn khỏi kinh thành, đến ngụ tại Thủy Vân am. La phu nhân sai La Côn đi Hoài An tìm Đô sát Bách Văn Liên-người đã kết ước sui gia cùng La Tăng để mượn binh cứu cha. La Xán thì đi mượn binh của quan trấn thủ Tam Quan ải là Mã Thành Long-cũng là người đã kết ước sui gia cùng La Tăng. Từ đoạn

này về sau, nội dung kịch bản xoay quanh nhân vật La Côn, không nhắc đến La Xán nữa. La Côn trên đường đi tình cờ ghé nghỉ nhờ ở nhà Lỗ Quốc công Trình Phụng, là hậu duệ của Trình Giáo Kim và là bạn của gia đình họ La. La Côn bị bệnh, được Trình Phụng giúp đỡ và làm quen với con gái Trình Phụng là Trình Ngọc Mai. Hai cha con Kỳ Tử Phú và Kỳ Xảo Vân trước đây từng được La Côn, La Xán và một hảo hán tên Hồ Khuê cứu thoát khỏi tay Thảm Đình Phương-con Thảm Khiêm. Kỳ Tử Phú biết họ La bị nạn liền đến tìm Hồ Khuê báo tin. Hồ Khuê lên đường đi gặp các anh hùng hảo hán trên Kê Trảo sơn để tìm cách cứu họ La.

Hồi 2, Đô sát Bách Văn Liên bị điều từ Hoài An đi trấn Tây Thành, để con gái là Bách Ngọc Sương ở lại Hoài An cùng mẹ kế là Hầu phu nhân. Hầu Đăng, cháu gọi Hầu phu nhân bằng cô, đang đêm lẻn vào phòng ve vãn Bách Ngọc Sương. Bách Ngọc Sương chống cự và báo Hầu phu nhân nhưng phu nhân cố tình bênh Hầu Đăng và nhục mạ nàng. Bách Ngọc Sương đau buồn, ra mộ mẹ tự ả, được anh thợ săn Long Tiêu cứu về nhà, ở với mẹ Long Tiêu là Long mẫu. Long mẫu sai Long Tiêu đi Tây Thành báo tin cho Bách Văn Liên. Họ Hầu tung tin Bách Ngọc Sương đã chết và làm đám tang giả. A hoàn của Bách Ngọc Sương là Thu Giang đến nhà Long mẫu tìm được chủ. Cả hai cải nam trang, lẻn đi Tây Thành tìm Bách Văn Liên.

Hồi 3, La Côn từ giả Trình Phụng đi Hoài An tìm Bách Văn Liên mà không biết rằng Bách Văn Liên đã bị điều đi Tây Thành. Còn Long Tiêu thì từ Hoài An đi đến Tây Thành tìm Bách Văn Liên nhưng cũng không gặp vì Bách Văn Liên lại bị điều đi Nam Thành. Long Tiêu đành quay về Hoài An. Tại Hoài An, họ Hầu bày mưu lừa cho La Côn uống rượu thuốc mê và bắt nộp quan. Long Tiêu từ Tây Thành trở lại Hoài An, hỏi lộ chúa ngục để vào thăm nuôi La Côn. Thấy La Côn vẫn mê man bất tỉnh, Long Tiêu đi rước thầy thuốc Trương Dững trị bệnh nhưng thầy thuốc không chịu vào ngục. Kỳ Tử Phú lặn lội lên Kê Trảo sơn báo tin cho Hồ Khuê và các hảo hán. Chủ sơn trại Bùi Thiên Hùng cử quân sư là Tạ Nguyên cùng Hồ Khuê và các tướng dẫn binh đi đánh Hoài An. Tạ Nguyên bày mưu cho Hồ Khuê chém đầu vợ chồng Thủ bị rồi tự thú, vu cho thầy thuốc Trương Dững là đồng lõa. Trương Dững bị giam vào ngục cùng với Hồ Khuê và La Côn, bị

Hồ Khuê yêu cầu bắt mạch, hốt thuốc trị bệnh cho La Côn. Cuối cùng, các hảo hán cướp pháp trường, đánh bọn tham quan ô lại một trận tan tác và cứu được La Côn.

Tuồng *Phấn Trang lâu* chỉ mới sử dụng một phần nội dung của tiểu thuyết *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* - từ hồi 1 đến hồi 28. Vì vậy, khi kết thúc vở tuồng vẫn chưa giải quyết hết các mâu thuẫn đặt ra ở hồi 1. Có thể tác giả dự định về sau sẽ viết tiếp nhưng vì lý do gì đó đã không thực hiện được.

Về cơ bản, nội dung kịch bản tuồng *Phấn Trang lâu* bám sát nội dung tiểu thuyết *Phấn Trang lâu diễn nghĩa*. Nguyễn Đình Chiêm chỉ lược bớt chi tiết, nhấn mạnh những mâu thuẫn và xung đột, tăng thêm kịch tính cho phù hợp với yêu cầu của một kịch bản tuồng. Cũng giống như tiểu thuyết *Phấn Trang lâu diễn nghĩa*, tuồng *Phấn Trang lâu* xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập, một bên chính nghĩa và một bên gian tà. Tuy nhiên, trong việc xây dựng hình tượng nhân vật có một số thay đổi đáng kể. Một số nhân vật thuộc phe chính nghĩa trong *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* có nguồn gốc xuất thân từ giai cấp quan lại phong kiến được Nguyễn Đình Chiêm chuyển hẳn thành những con người xuất thân bình dân. Qua đó, ông xây dựng một đội ngũ nhân vật chính nghĩa là những con người thuộc tầng lớp bình dân gồm hai cha con Kỳ Tử Phú, hai mẹ con Long Tiêu và các hảo hán Kê Trảo sơn. Họ đối đầu trực tiếp với lực lượng gian tà do bọn Tể tướng Thảm Khiêm và một số quan lại phong kiến làm đại diện.

Kỳ Tử Phú trong *Phấn Trang lâu diễn nghĩa* có cha là Kỳ Phụng Sơn, một quan tri phủ bị triều đình bắt tội bỏ ngục. Kỳ Tử Phú bán hết tài sản, dắt vợ con lên kinh thành để lo cho cha. Nhưng không may cha và vợ đều bị bệnh chết. Kỳ Tử Phú trong con thất thế bị Thảm Đình Phương chèn ép, bắt Kỳ Xảo Vân về làm thiếp, may được anh em học La và Hồ Khuê giải cứu, sau đó trở về Hoài An làm nghề bán đậu hũ sinh sống. Trong tuồng *Phấn Trang lâu*, Kỳ Tử Phú chỉ là một ông lão xuất thân nhà nghèo chuyên làm nghề bán đậu hũ. Các hảo hán Kê Trảo Sơn, theo *Phấn Trang lâu diễn nghĩa*, đều là các con cháu quan lại công thần, vì bất mãn triều đình nên bỏ lên núi làm nghề lạc thảo. Trong đó, Hồ Khuê là con một ông quan Đại đốc. Cha qua đời, nhà cửa sa sút, Hồ Khuê lên kinh đô tìm đường danh lợi nhưng thiếu tiền lo lót nên Thảm Khiêm không trọng dụng,

về sau gia nhập Kê Trảo sơn. Tuồng *Phấn Trang lâu* không nói đến nguồn gốc gia đình quan lại của các hảo hán Kê Trảo sơn và Hồ Khuê. Họ cùng Hồ Khuê chỉ là những con người anh hùng nghĩa khí, không màng danh lợi chốn quan trường. Trong *Phấn Trang lâu diễn nghĩa*, các bậc công thần, quan lại trung thành với nhà Đường là lực lượng nòng cốt trong công cuộc đấu tranh chống lại phe gian thần. Nhưng trong tuồng *Phấn Trang lâu*, các bậc công thần, quan lại như Trình Phụng, Bách Văn Liên chỉ giữ vai trò thứ yếu. Các nhân vật bình dân, nghèo khổ như mẹ con Hồ Khuê, cha con Kỳ Tử Phú có tần suất xuất hiện nhiều hơn, giữ vai trò quan trọng hơn, đóng góp tích cực hơn trong cuộc đấu tranh chống lại cái ác. Qua những chi tiết khác biệt nói trên, chúng ta thấy tác giả tuồng *Phấn Trang lâu* có quan điểm không giống với tác giả tiểu thuyết *Phấn Trang lâu diễn nghĩa*. Tuồng *Phấn Trang lâu* sáng tác trong hoàn cảnh đất nước ta đã rơi vào tay thực dân Pháp, triều đình phong kiến suy tàn không còn khả năng lãnh đạo đất nước. Có lẽ vì vậy mà Nguyễn Đình Chiêm muốn nêu cao vai trò của quần chúng nhân dân trong công cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước hơn là trông chờ vào triều đình.

3. Giá trị tác phẩm *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lâu*

Giá trị nội dung

Phong Ba đình và *Phấn Trang lâu* là những vở tuồng thuộc loại “tuồng truyện” vì nội dung mượn từ tiểu thuyết chương hồi Trung Quốc mà người Nam bộ vẫn gọi là “truyện Tàu”. Trong tuồng, những tấm gương trung, hiếu, tiết, nghĩa có ý nghĩa giáo dục đạo đức rất tốt. Cuộc đấu tranh giữa phe chính nghĩa chống lại phe gian tà rất quyết liệt, nhưng cuối cùng chính nghĩa sẽ nhất định thắng, điều ấy thể hiện ước mơ của nhân dân và niềm tin mãnh liệt vào lẽ phải. Cả hai vở tuồng đặc biệt ca ngợi tinh thần trung hiếu, nghĩa hiệp của những người thuộc tầng lớp bình dân. Họ là lực lượng chính yếu đấu tranh chống lại cái ác. Những lời nói và hành động hay nhất, đẹp nhất trong vở tuồng và những giá trị nhân văn được bộc lộ chủ yếu qua những con người bình dân. Tuy là những người nghèo khổ, ít học nhưng họ biết sống trung thực, biết phân biệt đúng sai, thiện ác một cách phân minh và biết hành động đúng đắn, dũng cảm và cao thượng.

Phong Ba đình và *Phấn Trang lâu* đề cao lòng

trung nghĩa, tôn phù chính thống, cũng chính là đề cao lòng trung quân ái quốc theo mô hình phong kiến. Và vì thế ẩn ý của hai vở tuồng này là giáo dục lòng yêu nước, khuyến khích người ta dám hành động xả thân vì nước. Hoàng Châu Ký, nhà nghiên cứu tuồng hàng đầu Việt Nam nhận định: “Nói về văn học, ngoài số kịch bản được gọi Tuồng cổ, Tuồng pho, nhiều vở riêng lẻ khác về nhiều đề tài khác nhau, còn có loại kịch bản của các văn thân yêu nước viết ra để giải bày tâm tư, ý chí của mình, để tuyên truyền khuynh hướng tư tưởng của mình, như các vị Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Đình Chiêm, rồi Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng...” (Hoàng, C. K., 2000).

Giá trị nghệ thuật

Hai vở tuồng *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lâu* đều khá dài nhưng rất hấp dẫn, lôi cuốn người xem từ đầu đến cuối. Sở dĩ làm được điều đó chính là do khả năng tổ chức xung đột kịch và cách thể hiện đa dạng với những tình huống bi hài đan xen của tác giả. Mở đầu tác phẩm là những màn bi kịch nối tiếp nhau, bi kịch thể hiện xung đột giữa phe chính nghĩa và gian tà, giữa cái thiện và cái ác. Trong suốt hai hồi đầu của vở tuồng, thế lực của cái ác hoàn toàn áp đảo, những con người chính nghĩa bị lâm vào hoàn cảnh bi đát, xung đột kịch càng ngày càng gay gắt, cho đến hết hồi 2 thì xung đột lên đến đỉnh điểm, thắt nút vở kịch khiến người xem mong chờ cách giải quyết xung đột. Chính từ cao trào, đỉnh điểm kịch tính ấy thì tác giả mở nút một cách tự nhiên, hợp lý, khiến người xem hào hứng theo dõi cho đến hết vở tuồng. Có thể nói hai vở tuồng này của Nguyễn Đình Chiêm là những vở tuồng mẫu mực, tiêu biểu cho tuồng Nôm Nam bộ.

Về ngôn ngữ tuồng, *Phong Ba đình* và *Phấn Trang lâu* được sáng tác ở Nam bộ, bởi một tác giả sinh ra và lớn lên ở vùng đất này, cho nên ngôn ngữ trong vở tuồng cũng mang đậm chất Nam bộ. Tác giả đã đưa vào đó lời ăn tiếng nói của người dân địa phương vào tác phẩm. Phương ngữ Nam bộ được sử dụng khá nhiều, cách ăn nói của các nhân vật thể hiện tính cách của người Nam bộ, giúp cho vở diễn trở nên gần gũi, dễ hiểu, dễ cảm nhận đối với người Nam bộ.

Giá trị văn tự Nôm

Phấn Trang lâu là một trong số ít những tác phẩm Nôm ở Nam bộ còn nguyên vẹn đến nay. Nam

bộ rơi vào tay thực dân Pháp sớm nhất (1862), khoa cử chữ Hán cũng bỏ sớm nhất, nên số người biết chữ Hán chữ Nôm cũng tàn lụi trước hết so với các địa phương khác trong toàn quốc. Vì vậy tư liệu chữ Hán ở Nam bộ còn rất ít, chữ Nôm lại càng hiếm hoi. Nói riêng về tuồng Nôm thì hiện nay ngoài Kim Thạch kỳ duyên của Bùi Hữu Nghĩa - Huỳnh Mẫn Đạt ra, số tuồng Nôm còn lại có lẽ chừng vài vở. Phần Trang lâu là một trong số những vở ấy.

Trong văn bản Nôm Phần Trang lâu có nhiều từ cổ và phương ngôn Nam bộ, nhiều chữ Nôm mang những đặc điểm chữ Nôm Nam bộ.

Về từ cổ, có một số từ thường gặp trong những văn bản Hán Nôm cổ như: *Hán* 罕 (biết rõ-tr.11, dòng 8), *nhẫn* 忍 (đến, cho đến-tr. 25, dòng 5), *tua* 須 (nên, phải-tr. 8, dòng 3)... Có những từ cổ ít gặp hơn như: *Khoăn khoái* 欬快 (chạnh lòng-tr.9, dòng 5), *đủ đôi* 𪔐𪔐 (tạm đủ sống qua ngày tháng-tr.19, dòng 7), *duông* 𪔐 (nuông theo-tr.30, dòng 3)...

Về phương ngôn Nam bộ, có nhiều từ chỉ có ở Nam bộ hoặc những từ được người dân Nam bộ sử dụng theo ý nghĩa riêng. Chẳng hạn : Đùm đầu 𪔐𪔐 (nuông nấu, ở tạm-tr.9, dòng 7), *sập sập* 𪔐𪔐 (nhón nháo, mất trật tự-tr.17, dòng 3), *đặng mọi* 鄧梅 (được nước, ý thế-tr.33, dòng 8), *vọi* 𪔐 (nhắm chừng, coi mời-tr.11, dòng 6), *gio giảnh* 𪔐𪔐 (bẻm mép, lém lỉnh-tr.62, dòng 6)... Cũng có nhiều từ ngữ được nói rút gọn tạo thành những biến thể từ vựng theo kiểu đặc trưng của người Nam bộ như: *Ông* 翁 (ông ấy-tr.10, dòng 8), *ảnh* 影 (anh ấy-tr.32, dòng 8), *bữa hôm* 𪔐𪔐 (bữa hôm trước-tr.72, dòng 8)...

Việc lưu giữ lời ăn tiếng nói của cả một địa phương rộng lớn, việc văn bản Nôm Phần Trang lâu được lưu giữ nguyên vẹn cả vở tuồng dài, viết với chữ Nôm tương đối chuẩn mực trong đó có nhiều chữ Nôm Nam bộ, khiến các vở tuồng của Nguyễn Đình Chiêm trở thành tài liệu vô giá để nghiên cứu phương ngôn cũng như chữ Nôm ở vùng đất này.

KẾT LUẬN

Việc tìm lại được hai vở tuồng Nôm *Phong Ba đình*, *Phần Trang lâu* tuồng như tuyệt tích của Nguyễn Đình Chiêm là một tin vui với những ai

quan tâm đến sân khấu, văn học Hán Nôm Nam bộ, hay rộng ra là văn hóa nước nhà. Hai vở tuồng từng làm say mê khán giả một thời và luôn được nhắc đến trong các công trình nghiên cứu về tuồng cổ, điều ấy đã cho thấy giá trị vượt thời gian của nó.

Cùng với tuồng *Ngọc Kỳ Lân xuất thế* của Nguyễn Ngọc Cương, tuồng *Mậu Tông* của Bùi Hữu Nghĩa; *Kim Thạch kỳ duyên* của Bùi Hữu Nghĩa-Huỳnh Mẫn Đạt, tuồng *Kim Vân Kiều* của Trương Minh Ký, tuồng *Tứ linh*, *Trần Trá Hôn*, *Nguyễn Trung Trực quy thần*..., thì *Phong Ba đình*, *Phần Trang lâu* của Nguyễn Đình Chiêm đã cho thấy giá trị và bản sắc của tuồng Nam bộ. Hai vở tuồng của Nguyễn Đình Chiêm thực sự là những viên ngọc quý của nghệ thuật tuồng nước nhà, mời gọi các nhà nghiên cứu văn học nghệ thuật, các nhà nghiên cứu ngữ văn Hán Nôm tìm hiểu, cũng như độc giả rộng rãi thưởng ngoạn.

Ghi nhận tài trợ: Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số B2024-18b-01.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Ca, V. T., Lâm, S. N., & Giang, T. N. (1980). *Nguyễn Đình Chiểu toàn tập* (Vol. 1). Nhà xuất bản Đại học và Trung học chuyên nghiệp.

Hoàng, C. K., (2000). Tuồng hát bội Việt Nam. *Tạp chí Văn học*, (6).

Nguyễn, Đ. C., (1952). *Ngư Tiều vấn đáp y thuật* (P. V. Hùm hiệu đính.). Nhà sách Tân Việt xuất bản, Sài Gòn.

Nguyễn, Q. T., (1999). *Từ điển tác gia Việt Nam*. Nhà xuất bản Văn hóa.

Nguyễn, T. H. T., (2023). *Nghiên cứu kịch bản tuồng Nam Bộ trước 1945*, (Luận án tiến sĩ) Trường Đại học KHXH & Nhân Văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Trịnh, V. T., (1967). *Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển* (Tập 2). Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh.